| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẢO LẠC**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 38/2024/HS-ST
Ngày 25 - 9 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Thùy Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Lầu

Bà Quan Hồng Tiềm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thuấn - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với:

Bị cáo Quý Văn T, sinh ngày 19/12/1989; Nơi sinh: Xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Quý Văn B, sinh năm 1959 và bà Nông Thị T1, sinh năm 1964; Vợ: Đã ly hôn; Con: Có 02 con, con cả sinh năm 2008, con út sinh năm 2012.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 13/2011/HSST ngày 23/11/2011 của Toà án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" (Đã được xoá án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng từ ngày 11/5/2024 đến nay (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Dạ T2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt).

** Bị hại:* Bà La Thị H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

** Người làm chứng:* Bà Nông Thị T1, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 10/5/2024, bà H và bà T1 đổi xe máy với nhau để sử dụng. Bà T1 điều khiển xe máy Honda Blade màu đen, biển kiểm soát 11L1-071.59 của bà H đi về nhà. Đến nơi, bà T1 dựng xe ở trước cửa nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Quý Văn T là con đẻ của bà T1 và là chồng trước đây của bà H, đi uống rượu về. Do có mâu thuẫn với bà H về chuyện tình cảm khi còn là vợ chồng, nhìn thấy xe máy của bà H nên T bực tức và đi ra chuồng ngựa gần đó lấy 01 chiếc rìu rồi đập 03 hoặc 04 phát vào phần đầu xe máy. Lúc này bà T1 ở trong nhà nghe tiếng động ở trước cửa nên đi ra thì thấy T dùng búa đập xe máy của bà H. Thấy vậy bà T1 can ngăn và bảo T không đập phá xe máy. T không nói gì, vứt cây rìu ở gần đó và bỏ đi. Sau khi T đập xe máy của bà H thì cháu Quý Văn H1 là con trai của T và bà H ở trong phòng ngủ chạy ra xem thì thấy phần đầu xe máy của bà H bị đập vỡ nên H1 dùng điện thoại chụp ảnh xe máy và gửi tin nhắn cho bà H.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T về nhà, thấy xe máy của bà H vẫn dựng trước cửa nhà tại vị trí cũ. Thông bực tức, khi nhìn thấy trước hiên nhà gần cửa chính có một chai nhựa, vỏ ngoài dán nilon màu đỏ, loại 1,5 lít có chứa bên trong khoảng ¼ xăng pha nhớt nên T nảy sinh ý định đốt xe máy.

T cầm chai nhựa đựng xăng pha nhớt và dắt xe máy ra bãi đất trống giữa nhà T và nhà của bà Quý Thị M (em gái ruột của T), cách vị trí ban đầu khoảng 30 mét rồi dựng xe máy tại đó. T đứng cách xe máy khoảng 01 mét rồi vặn mở nắp chai, ném chai xăng pha nhớt vào phần thân, gần bộ phận hộp số xe máy. Sau đó, T nhìn xung quanh thấy có tấm bìa cát tông, T xé lấy một mảnh rồi lấy bật lửa màu đỏ từ trong túi quần và đốt cháy mảnh bìa cát tông. T ném mảnh bìa đang cháy vào vị trí ném chai xăng pha nhớt trước đó, lửa cháy từ dưới lên trên và lan ra cả xe máy. Khi thấy xe đã cháy, T đi vào trong nhà ngủ.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, bà T1 đang ngủ tại nhà của bà Quý Thị M thì tỉnh dậy, thấy bên ngoài có ánh sáng nên bà T1 mở cửa sổ ra, nhìn thấy xe máy đang cháy. Do lo sợ và bản thân không thể chữa cháy được nên bà T1 ở trong phòng quan sát một lúc thấy lửa nhỏ dần nên đi ngủ tiếp. Đến khoảng 07 giờ

sáng hôm sau, T ngủ dậy, đi ra chuồng ngựa nhìn thấy xe máy của bà H đã cháy, chỉ còn trơ lại bộ khung sắt.

Ngày 11/5/2024 bà H đến Công an huyện B tố giác hành vi đập phá xe máy của Quý Văn T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Cao Bằng kết luận giá trị chiếc xe máy Honda Blade, màu đen, BKS 11L1-071.59, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 17/5/2024 có giá trị là: 7.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo Quý Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như mô tả về diễn biến, hành vi được thể hiện trong bản cáo trạng. Do bực tức nên đêm 10/5/2024 T đã dùng rìu đập vào phần đầu xe máy của bà H, dùng xăng pha nhớt để đổ lên xe máy và đốt cháy xe máy, khi thấy xe bốc cháy, T đi ngủ; Sáng hôm sau thấy xe đã cháy rụi, chỉ còn lại khung xe. Thông đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản, đồng ý bồi thường cho bà H theo giá trị xe của Hội đồng định giá đã kết luận.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bà La Thị H trình bày: Bà và T đã ly hôn từ năm 2023. Chiều tối ngày 10/5/2024 bà và bà T1 đổi xe máy cho nhau để sử dụng, bà T1 đi xe máy của bà. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đang ở cửa hàng thu mua lâm sản thì con trai của bà và T là cháu Quý Văn B1 nhắn tin cho bà về việc T đã đập xe máy. Ngày 11/5/2024 bà đến Cơ quan Công an huyện B trình báo sự việc. Chiếc xe máy bị T đập, đốt là xe Honda Blade màu đen, biển kiểm soát 11L1 - 071.59, bà mua xe mới vào năm 2016 tại thành phố C với số tiền 21.500.000 đồng. Tiền mua xe là tiền riêng của bà, giấy phép đăng ký mô tô, xe máy mang tên bà. Quá trình điều tra bà yêu cầu T bồi thường cho bà số tiền 20.000.000 đồng để bà mua xe mới. Tại phiên tòa, bà đồng ý với kết luận của Hội đồng định giá tài sản, bà yêu cầu T bồi thường cho bà số tiền 7.000.000 đồng; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, về vật chứng là khung xe trả lại cho bà.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bà Nông Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của Quý Văn T. Chiều tối ngày 10/5/2024 bà có điều khiển xe máy của bà H đi về nhà tại xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng và dựng xe máy ở sân trước cửa nhà. Khi đang làm việc nhà trong bếp, bà nghe thấy tiếng động, bà đi ra và nhìn thấy T đang dùng búa đập xe máy của bà H. Khi đó, bà có căn ngăn, T nghe bà nói và bỏ sang nhà hàng xóm. Do sợ T quay về lại gây chuyện nên bà sang nhà con gái là Quý Thị M ăn cơm tối và ngủ luôn tại đó. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi tỉnh dậy thì bà thấy bên ngoài sáng, bà mở của sổ nhìn thấy lửa đang cháy to, bà nghĩ T đã đốt xe máy của bà H. Do lửa đang cháy lớn, bà sợ và biết không cứu chữa được nữa nên bà đóng cửa sổ và đi ngủ. Khoảng 06 giờ sáng ngày 11/5/2024, bà ra ngoài sân thì thấy xe máy đã cháy rụi, chỉ còn mỗi khung xe, lửa đã tắt. Bà chỉ nhìn thấy T dùng rìu đập xe, không trực tiếp nhìn thấy T đốt xe. Ngày 07/8/2024 bà đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc nộp số tiền 7.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho T vì T nhờ bà đi nộp,

tiền là tài sản riêng của bà, việc bà nộp tiền là tự nguyện; Bà không yêu cầu T phải trả lại cho bà số tiền này. Bà cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKSBL ngày 23/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Quý Văn T về tội "Huỷ hoại tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Quý Văn T theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Quý Văn T phạm tội "Huỷ hoại tài sản", xử phạt bị cáo Quý Văn T từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị hại: 01 khung xe máy trơ kim loại và 01 biển số xe máy;

- Trả lại cho bà T1: 01 rìu cán bằng gỗ dài 76cm, đầu rìu dài 6cm, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bật ga màu đỏ và 01 chai nhựa loại 1,5l có dán nilon màu đỏ, đã qua sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường theo kết luận của Hội đồng định giá, số tiền 7.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Quý Văn T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ và phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Hủy hoại tài sản tại điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật hìnhlà có căn cứ, bị cáo đã hủy hoại tài sản của người khác. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề sau:

- Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là bộc phát nhất thời, không có sự chuẩn bị trước, bị cáo không lường được hết hậu quả xảy ra.

- Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Về thái độ: Tại Cơđiều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hìnhsự.

- Về nhân thân: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, học lớp 4/12 nên hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng kinh tế khó khăn, là lao động chính, trực tiếp nuôi con dưới 18 tuổi nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hìnhsự.

- Bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1 và 02 tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hìnhsự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thống nhất số tiền bồi thường thường nên xem xét chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng.

Về án phí: Bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

Về vật chứng: Nhất trí với quan điểm của kiểm sát viên.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

Tại lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Bị cáo Quý Văn T thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vào đêm 10/5/2024, bị cáo đã dùng rìu cán gỗ đập vào đầu xe máy biển kiểm soát 11L1 - 071.59, dùng xăng pha nhớt đổ lên xe máy và dùng lửa châm để đốt cháy xe, khi xe đã cháy bị cáo bỏ mặc để hậu quả xảy ra và đi ngủ. Hậu quả làm cho nhiều bộ phận của xe bị cháy rụi hoàn toàn, chỉ còn lại khung xe và biển số xe, xe bị hư hỏng đến mức không có giá trị sử dụng, không thể khôi phục lại được nguyên gốc tài sản này. Hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ.

Như vậy, hành vi của bị cáo Quý Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Huỷ hoại tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác là phù hợp với quy định của Pháp luật và cần được chấp nhận.

[4] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ; Tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Quý Văn T sinh sống tại xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo biết hành vi đập, đốt xe máy của người khác là sai là vi phạm pháp luật nhưng do bực tức, không kiềm chế được bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Về quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền số 19/QĐ-XPHC ngày 19/10/2011 của Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt Quý Văn T về hành vi khai thác thuỷ sản, số tiền 700.000 đồng: Trong hồ sơ không thể hiện bị cáo đã được nhận quyết định này, đến thời điểm hiện nay đã hết thời hiệu xử phạt nên không có căn cứ đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả, việc gia đình nộp tạm ứng tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự là tự nguyện; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: không có.

Bị cáo có nhân thân xấu, tuy đã được giáo dục, cải tạo, được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại và bị cáo đã thống nhất với nhau được mức bồi thường, số tiền bồi thường là 7.000.000 đồng, việc bồi thường là tự nguyện nên cần ghi nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối vớ bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 khung xe máy trơ kim loại và một biển số 11L1 - 071.XX (Hai số cuối không rõ số), bị hại yêu cầu nhận lại, yêu cầu này không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận;

- Trả lại cho chủ sở hữu (bà T1): 01 chiếc rìu cán bằng gỗ dài 76cm, đầu rìu dài 6cm, đã qua sử dụng;

- Đối với 01 chiếc bật ga màu đỏ và 01 chai nhựa loại 1.5L, có dán nilon màu đỏ đã qua sử dụng. Là những vật chứng Thông sử dụng để thực hiện hành vi huỷ hoại tài sản, không còn giá trị sử dụng nên xét cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Quý Văn T phạm tội "Huỷ hoại tài sản"; Xử phạt bị cáo Quý Văn T 02 năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 11/5/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà La Thị H số tiền là 7.000.000 đồng.

Ghi nhận bà Nông Thị T1 (mẹ đẻ của bị cáo) đã nộp tạm thu số tiền 7.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003792 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường trách nhiệm dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà H: 01 khung xe máy trơ kim loại và một biển số 11L1 - 071.XX (Hai số cuối không rõ số), số máy: JA36E0281830;

- Trả lại cho bà T1: 01 chiếc rìu cán bằng gỗ dài 76cm, đầu rìu dài 6cm, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bật ga màu đỏ; 01 chai nhựa loại 1.5L, có dán nilon màu đỏ đã qua sử dụng.

Vật chứng đang được lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 41 ngày 16/9/2024.

4. Về án phí: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân tối cao: Bị cáo Quý Văn T được miễn án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cô Ba;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÔ THỊ THÙY NGÂN**